

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BỈM SƠN
TỈNH THANH HÓA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 39/2023/HS- ST
Ngày 24- 11- 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BỈM SƠN, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tổng Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Loan- Phó chủ tịch Mặt trận Tổ Quốc
Bà Phùng Thị Mai Hương - Giáo viên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh, là Thư ký Tòa án nhân dân (viết tắt: TAND) thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát (viết tắt: VKS) nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Huyền Diệu - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở TAND thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 38/2023/TLST- HS ngày 30 tháng 10 năm 2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2023/QĐXXST-HS ngày 10/11/2023 đối với các bị cáo:

1. Chung Văn K; sinh ngày 26 tháng 09 năm 1990; Nơi sinh: Thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: số nhà 72 đường 800, khu phố 7, phường B, thị xã B, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: kinh; giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Chung Văn T; Con bà: Đặng Thị T; Vợ: Nguyễn Thị T (đã ly hôn); Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2019, nhỏ sinh năm 2020; Tiền án: Ngày 15/10/2013 bị TAND thị xã B, tỉnh T xử phạt 07 năm tù về tội” Cướp tài sản”. Ngày 13/01/2018 chấp hành xong án trở về địa phương; Ngày 27/8/2019 bị TAND thị xã B, tỉnh T xử phạt 07 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Ngày 06/01/2020, chấp hành xong án trở về địa phương; Ngày 22/10/2020, bị TAND thị xã B xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 09/4/2022 chấp hành xong án phạt tù trở về địa phương; Tiền sự: không; Nhân thân:

- Ngày 25/10/2005, bị Công an phường B, thị xã B, tỉnh T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản. Hình thức: Cảnh cáo;

- Ngày 25/02/2006, bị Công an phường B, thị xã B, tỉnh T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh nhau. Hình thức: Cảnh cáo;

- Ngày 09/8/2006, bị Công an phường B, thị xã B, tỉnh T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản. Hình thức: Cảnh cáo;

- Ngày 12/10/2006, bị chủ tịch UBND thị xã B quyết định đưa vào cơ sở giáo dưỡng Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 26/6/2023 đến ngày 02/7/2023, ngày 02/7/2023 chuyển tạm giam; Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện H, tỉnh T (có mặt).

2. Đỗ Xuân T1; sinh ngày 01 tháng 12 năm 2005; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện tại: Khu phố 7, phường Đ, thị xã B, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: kinh; giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đỗ Xuân H; Con bà: Phạm Thị Đ; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 26/6/2023 đến ngày 02/7/2023, ngày 02/7/2023 chuyển tạm giam; Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện H, tỉnh T (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Đỗ Xuân T1:

Bà Phạm Thị Đ (mẹ đẻ) - sinh năm 1974

Trú quán: Khu phố 7, phường Đ, thị xã B, tỉnh T (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Tân: Bà Nguyễn Thị Ngọc Trâm: Trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ: Số 32 Đại Lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, TP Thanh Hóa (có mặt).

3. Mai Minh T2, sinh ngày 26 tháng 08 năm 2006; Nơi sinh: Huyện Đức T, tỉnh Lâm Đ; Nơi ĐKNKTT: Khu phố 14, phường N, thị xã B, tỉnh T; Chỗ ở hiện tại: SN 125 đường Phan Chu T, khu phố 6, phường L, thị xã B, tỉnh T; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: kinh; giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông (không có thông tin); Con bà: Mai Thị T; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 26/6/2023 đến ngày 02/7/2023, ngày 02/7/2023 chuyển tạm giam; Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện H, tỉnh T (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của Mai Minh T2:

Anh Trần Khắc T (anh trai), sinh năm 1994

Trú quán: Xóm Cỏ Đam, phường L, thị xã B, tỉnh T (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Mai Minh Toàn: Bà Lê Thị P - Trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ: Số 32 Đại Lộ Lê Lợi, phường Đ, TP T (có mặt).

4. Tống Khánh L; sinh ngày 31 tháng 10 năm 2003; sinh tại: Xã L, Thành phố H, tỉnh H; Nơi ĐKNKTT: thôn Thanh Xá, xã Liên H, Thành phố Hải D, tỉnh Hải D; Chỗ ở hiện tại: khu phố 6, phường L, thị xã B, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: kinh; giới tính: nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Tống Văn C (đã chết); Con bà: Phạm Thị T; Chồng: Nguyễn Văn C; Con: có 01 con sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 26/6/2023 đến

ngày 02/7/2023, ngày 02/7/2023 chuyển tạm giam; Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện H, tỉnh T (có mặt).

5. Mố V; sinh ngày 08 tháng 4 năm 2004; Sinh tại: huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk; Nơi ĐKNKTT: Buôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đ; Chỗ ở hiện tại: xã H, huyện H, tỉnh T; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: Vân Kiều; giới tính: nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Ka L; Con bà: Mố M; Chồng, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 26/6/2023 đến ngày 02/7/2023, ngày 02/7/2023 chuyển tạm giam; Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện H, tỉnh T (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Mố V:

Bà Nguyễn Thị Q - Trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ: Số 32 Đại Lộ Lê Lợi, phường Đ, TP T(có mặt).

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1/ Anh Lê Đình T, sinh năm 1985

Trú quán: Khu phố 4, phường L, thị xã B, tỉnh T(vắng mặt)

2/ Chị Bùi Thị Tuyết N, sinh ngày 05/4/2008

Trú quán: Khu phố 11, phường N, thị xã B, T(vắng mặt)

Người đại diện theo pháp luật của chị N: Bà Trần Thị L, sinh 1951(bà nội)

Trú quán: Khu phố 11, phường N, thị xã B, T(vắng mặt)

*** Người làm chứng:**

1/ Anh Lê Văn H, sinh năm 1995

Trú quán: Thôn Q, xã H, huyện H, tỉnh T (vắng mặt)

2/ Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1959

Trú quán: Khu phố 7, phường B, thị xã B, T (vắng mặt).

3/ Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1982

Trú quán: Khu phố 3, phường Đ, thị xã B, T (vắng mặt)

4/ Chị Đặng Thị T, sinh năm 1971

Trú quán: Khu phố 7, phường B, thị xã B, tỉnh T (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 26/6/2023, tổ công tác Đội Cảnh sát điều tra (viết tắt: CSĐT) tội phạm về Kinh tế - Ma túy Công an thị xã Birm Sơn phối hợp cùng Công an phường Ba Đình tiến hành kiểm tra hành chính phát hiện tại: phòng ở của Chung Văn K có 06 đối tượng, gồm: Chung Văn K, Đỗ Xuân T1, Mai Minh T2, Tống Khánh L, Mố V và Bùi Thị Tuyết N đã có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy đêm ngày 25/6/2023. Tổ công tác tiếp tục tiến hành kiểm tra xung quanh phòng ở của K đã thu giữ

toàn bộ tang vật liên quan đến hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Tại đây, K, T1, T2 và L khai nhận lượng ma túy (02 viên kẹo, 02 chỉ ketamine) mua của Lê Văn Q, sinh năm 1998, trú tại Thôn Q, xã H, huyện H, tỉnh T, các đối tượng đã sử dụng hết 02 viên kẹo và 01 phần chỉ ketamine, phần còn lại cất trên nóc tủ quần áo trong phòng Kiên mục đích để bán chuộc điện thoại cho L. Tổ công tác mời người làm chứng tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ và niêm phong tang vật theo quy định.

****Tài sản và vật chứng thu giữ:***

+ 01 (một) túi nilon màu trắng, viền màu đỏ, kích thước khoảng (3x3)cm bên trong có các hạt tinh thể màu trắng, dạng cục được bỏ vào trong 01 phong bì niêm phong ký hiệu M1.

+ 01 (một) chiếc đĩa sứ hình tròn màu trắng, hoa văn màu hồng, đường kính khoảng 15cm, dưới đáy đĩa có bảm dính khối màu đen; 01 (một) thẻ ATM màu vàng, mang tên Chung Văn K, trên mặt đĩa và trên bề mặt thẻ ATM đều bảm dính chất bột màu trắng; 01 (một) vỏ bút bằng nhựa màu trắng đen, cao khoảng 10cm, đường kính khoảng 01cm, bên trong có bảm dính chất bột màu trắng. Tất cả được bỏ vào trong phong ký hiệu M2.

+ 01 (một) cốc thủy tinh loại có quai, đường kính khoảng 07cm, cao khoảng 10cm, bên trong đựng khoảng 10ml nước trong suốt, Tổ công tác đã đổ số nước này vào trong 01 (một) chai nhựa trong suốt, nắp màu xanh, loại 500ml;

+ 01 (một) đèn nháy hình cầu, đế màu trắng, thân màu hồng, phía trên màu đen cao khoảng 15cm;

+ 01 (một) loa màu đen có ký hiệu F&D.

+ 02 (hai) chiếc loa màu xanh, có nhiều hoa văn;

+ 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Plus màu vàng, loại màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng thu của Bùi Thị Tuyết N.

+ 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu vàng, loại màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng thu của Mỏ V.

+ 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus màu đen, loại màn hình cảm ứng, mặt sau kính bị vỡ, đã qua sử dụng thu của Đỗ Xuân T1.

+ 01 chiếc điện thoại Iphone Plus 8, màu hồng, loại màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, là điện thoại của Tống Khánh L do Lê Đình T tự nguyện giao nộp.

Quá trình điều tra, Lê Văn H đã giao nộp số tiền 500.000đ (là tiền do Quân phạm tội mà có) tại Chi cục thi hành án dân sự ngày 06/7/2023.

Ngày 26/6/2023, Cơ quan CSĐT Công an thị xã Bỉm Sơn ra Quyết định trưng cầu giám định số 100/QĐ-CSĐT giám định chất ma túy đối với mẫu vật cần giám định ký hiệu M1, M2 và Quyết định trưng cầu giám định số 101/QĐ-CSĐT giám định chất ma túy trong mẫu nước tiểu của K, T1, T2, L, N và V (ký hiệu lần lượt từ M4-M9) và giám định chất ma túy trong mẫu nước thu từ chiếc cốc thủy tinh thu giữ trong phòng ngủ của Chung Văn K (Ký hiệu M10).

* Tại bản Kết luận giám định số: 2469/KL-KTHS ngày 30/6/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận:

- Các hạt tinh thể màu trắng dạng cục của phong bì kí hiệu M1 niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,622g (không phẩy sáu hai hai gam) loại: Ketamine.

- Chất bột màu trắng bám dính trên 01 đĩa sứ của túi hồ sơ hộ khẩu ký hiệu M2 niêm phong gửi giám định là ma túy, loại: Ketamine. Không xác định được khối lượng chất ma túy.

- Chất bột màu trắng bám dính trên 01 thẻ ATM màu vàng mang tên Chung Văn K của túi hồ sơ hộ khẩu kí hiệu M2 niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Ketamine. Không xác định được khối lượng chất ma túy.

- Chất bột màu trắng bám dính trong 01 vỏ bút bằng nhựa màu trắng đen của túi hồ sơ hộ khẩu ký hiệu M2 niêm phong gửi giám định là ma túy, loại: Ketamine. Không xác định được khối lượng chất ma túy.

* Tại Bản kết luận giám định số: 2470/KL-KTHS ngày 30/6/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa, kết luận:

- Tìm thấy chất ma túy, loại: MDMA, Ketamine trong mẫu nước tiểu ghi thu của K, T1, T2, L, V gửi đến giám định.

- Tìm thấy chất ma túy, loại: Ketamine trong mẫu nước tiểu ghi thu của Bùi Thị Tuyết Nhung gửi đến giám định.

- Không tìm thấy chất ma túy, loại MDA, MDMA, Amphetamine, Methamphetamine, Ketamine trong mẫu nước ghi thu từ chiếc cốc thủ tinh gửi đến giám định.

Tại Cơ quan điều tra (viết tắt CQĐT), T1, L, T2; K, V và N khai nhận hành vi phạm tội như sau:

Chiều ngày 25/6/2023, T1, K, T2, L, V và N đang chơi tại nhà K thì T1 nhận được điện thoại của Lê Văn Qua ứng dụng Messenger và Q nói với T1 là đang cần tiền gấp, có ai mua ma túy thì bán giúp, Q vừa bán vừa cho. T1 đồng ý và nói với K, T2, L và N là “có chỗ mua ma túy rẻ, bây giờ lấy về chơi, có ai có tiền không”, mọi người đều không nói gì. Sau đó N và V đi bộ ra ngã tư thị xã Bim Sơn thuộc phường Ngọc Trạo, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa để lấy điện thoại của N. Lúc này chỉ có K, T1, T2 và L ở nhà, K nói với T1, T2, L góp tiền để mua ma túy, nhưng không ai có tiền nên T1 bảo L vay tiền, L hỏi bạn vay tiền nhưng không được, T1 lại bảo Toàn nói chuyện với L cho mượn điện thoại của L cầm để lấy tiền mua ma túy về vừa để sử dụng và vừa để lại bán lấy tiền chuộc điện thoại cho L sau. T2 đồng ý nói với L về việc mượn điện thoại cầm lấy tiền mua ma túy thì L đồng ý đưa điện thoại Iphone 8 plus cho T2.

Khoảng 20 giờ cùng ngày, Lê Văn Q gọi điện thoại cho anh Nguyễn Văn T, lái xe taxi đến Công 1 nhà máy xi măng B đón khách chở xuống chỗ anh trai của Q là Lê Văn H đang làm thì Tiến đồng ý, Q đưa số điện thoại của T1 cho Tiến để liên lạc đón khách, một lúc sau Tiến đưa xe đến đón Tân.

Sau khi ăn cơm xong, T1 lại nói với Toàn tỷ nữa đi cầm điện thoại của L mua ma túy sử dụng một ít và còn lại bán để chuộc điện thoại cho Ly. Khoảng 05 phút sau T2 cầm máy điện thoại rồi cùng T1 lên xe taxi của anh Nguyễn Văn Tiến đi tìm chỗ cầm điện thoại. Khi xe Tiến chở T1, T2 đến cửa hàng điện thoại của anh Thường, T1 và T2 cùng xuống xe vào quán nói với anh T muốn cầm cố 01 chiếc điện thoại Iphone 8 Plus, màu hồng. Khi T1 đề nghị muốn cầm cố với mức giá là 2.000.000 đồng thì anh T yêu cầu mở mặt khóa điện thoại để kiểm tra. Thấy Toàn mở được khóa và tắt mặt khóa máy nên anh T đã đồng ý. Theo yêu cầu của T1, anh T đưa cho T1 500.000 đồng tiền mặt và chuyển khoản số tiền 1.500.000 đồng từ tài khoản 50510000191392 ngân hàng BIDV của anh Lê Đình T vào số tài khoản 0988.143.292 ngân hàng MBBank, chủ tài khoản Nguyễn Đức Hậu mà T1 đang sử dụng. Cầm cố xong điện thoại, T1 và T2 tiếp tục lên xe taxi của Tiến để đi mua ma túy, T1 nói với Tiến “chờ đến chỗ anh Quân”. Trên đường đi, Quân có gọi điện thoại cho Tiến nói “Anh ơi, số tiền 500.000 đồng bạn em đưa, anh cầm đưa cho anh Hải giúp em”. Tiến đồng ý thì thấy T1 đưa cho Tiến tờ 500.000 đồng, còn 1.500.000 đồng trong tài khoản T1 đã chuyển khoản luôn cho Q để thanh toán nốt số tiền mua ma túy còn lại. Khi đến khu vực nương thủy lợi (đê) xã Hà Vinh, huyện H, tỉnh Thanh Hóa thì Q gọi điện cho T1 qua ứng dụng zalo bảo T1 giữ máy và đi tiếp theo chỉ dẫn của Q. Xe taxi tiếp tục di chuyển đến đoạn cống của nương thủy lợi thì T1 xuống xe điện thoại nói chuyện với Q để xác định vị trí lấy ma túy còn T2 vẫn đang nằm ngủ ở ghế sau xe. Lúc này, Tiến điều khiển xe ô tô để tìm chỗ quay đầu xe và đi đến lán của Lê Văn Hải để đưa cho Hải 500.000 đồng và nói “Quân bảo đưa cho mày”, Hải cầm tiền và không nói gì.

Theo chỉ dẫn của Quân thì T1 nhìn thấy một hộp nhựa nhỏ bên trong có một vỏ bao thuốc lá, mở ra bên trong có một túi bóng, trong túi có một gói giấy bạc đựng 02 viên nén màu xanh là ma túy dạng MDMA và 02 túi nilon nhỏ, kích thước khoảng 3x3 cm bên trong có chứa các hạt tinh thể màu trắng, dạng cục là ma túy dạng ketamine. Tân cầm lấy ma túy, rồi lên xe cùng với T2 đi về nhà Kiên. Trên đường về T1 đã rút hộp nhựa và vỏ bao thuốc lá ra khỏi cửa kính ô tô nhưng không nhớ vị trí cụ thể.

Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, T1 và T2 về đến nhà K, T1 đưa ma túy vừa mua được cho K. K cầm ma túy trên bỏ vào túi quần và nói chơi đi, rồi K cùng T1 và T2 đi vào phòng ngủ của K. Lúc này, T2 gọi L và nói mang ổ điện vào phòng ngủ. Sau khi L mang ổ điện vào phòng, K bảo L ra gọi cả N, V vào luôn. Tại đây, K đưa cho T1 hai viên ma túy dạng MDMA màu xanh, T1 cầm một viên ma túy để bẻ chia cho T2, L, N và V sử dụng nhưng không bẻ được nên K bảo T1 ra ngoài lấy cốc nước để pha. T1 đi ra bếp lấy 01 cốc thủy tinh và nước lọc rồi đi vào trong phòng dùng thì dầm nhỏ rồi hòa tan một viên ma túy vào trong cốc thủy tinh, hòa xong ma túy T1 đưa cốc ma túy cho T2, T2 cầm cốc nước pha ma túy uống một phần sau đó đưa lại cốc cho V sử dụng. V sử dụng xong đưa lại cốc ma túy cho T2 để T2 sử dụng. Sau khi sử dụng xong T2 để cốc nước ma túy xuống giường. K cầm cốc ma túy đưa cho L uống nhưng L chưa sử dụng mà cầm lấy cốc để

xuống bên cạnh. Còn viên ma túy còn lại T1 cầm bẻ thành hai phần, T1 sử dụng một phần và đưa phần còn lại cho K sử dụng bằng cách nhai rồi nuốt.

Lúc này, để cho việc sử dụng ma túy thêm phần hưng phấn và phê hơn nên V đã sử dụng điện thoại của mình mở nhạc và bật loa ngoài ở mức to hết cỡ để mọi người phấn khích. Sau khi sử dụng xong ma túy dạng kẹo MDMA, Tân hỏi K “đĩa ở đâu”, K trả lời: “đĩa ở dưới bếp” nên T1 bảo L đi lấy đĩa. L xuống bếp lấy một chiếc đĩa sứ màu trắng, có họa tiết màu hồng rồi nướng đĩa trên bếp ga cho nóng rồi mang vào phòng để ở đuôi giường cạnh bàn trang điểm. Khi L vào thì T1 cầm cốc ma túy pha còn lại đưa cho L uống, L cầm cốc uống một phần ma túy pha trong cốc. K cầm 01 gói ma túy ketamine đổ một phần ra đĩa sứ, phần còn lại K đổ dồn vào túi ketamine còn lại để vào trong ngăn kéo bàn trang điểm và bảo T1 đi xào ma túy, T1 nói không biết xào. T1 và K bảo L đi xào ma túy, K lấy từ ngăn kéo bàn trang điểm một chiếc thẻ ATM màu vàng mang tên Chung Văn K để lên đĩa sứ và bảo L xào ketamine, L cầm thẻ ATM rồi xào ketamine bằng cách nghiền nát, đảo qua, đảo lại rồi chia thành các đường mỏng. Trong lúc L xào ketamine T2 lại gần dùng móng tay út lấy một ít để trên tay dùng mũi hít trực tiếp, L xào xong thì để đĩa ma túy xuống loa, K và T1 ra ngoài tìm ống hút để sử dụng ma túy. K lấy một chiếc bút chữ A màu trắng đen trên tủ bếp đưa cho T1, T1 tháo đầu và ngòi bút lấy mình thân bút mang vào phòng để xuống đĩa đựng ma túy và bảo L cầm đĩa ma túy đưa cho K sử dụng trước. L bẻ đĩa ma túy cho K sử dụng bằng cách dùng ống để hít, hít xong, K đưa đĩa ma túy cho T1. Tân bẻ đĩa ma túy cho V sử dụng. V sử dụng xong thì đưa ống hút cho T1 để T1 sử dụng, T1 dùng ống hút để hít ma túy rồi để đĩa xuống giường.

Một lúc sau, T1 dùng bật lửa đốt đáy chiếc đĩa sứ, dùng thẻ ATM xào ma túy trên đĩa rồi cầm đĩa sứ và đưa ống hút cho K sử dụng trước. K sử dụng xong thì T1 cầm đĩa và đưa cho V sử dụng. V sử dụng xong thì đưa ống hút cho T1 để T1 đưa T2 sử dụng. T2 sử dụng xong thì T1 lại bẻ đĩa cho L sử dụng. Lúc này, V hỏi N “có chơi ma túy không?” thì N từ chối. Khoảng 5 phút sau, V lại hỏi N có sử dụng ma túy không thì N gật đầu đồng ý. V liền gọi T1 và nói “con N nó chơi rồi kìa, lấy cho nó chơi đi” nên T1 đã bẻ đĩa ma túy chia thành các đường kẻ nhỏ, đưa cho N sử dụng. Dùng ống hút để hít ma túy. Khi N sử dụng xong, T1 đặt đĩa ma túy xuống giường. Sau đó, T1 lại tiếp tục chủ động mời N sử dụng ma túy. T1 dùng thẻ ATM kẻ ma túy thành các đường nhỏ rồi đưa cho N sử dụng.

Quá trình sử dụng ma túy, T1 cầm gói ma túy còn lại mà K cất trong ngăn kéo bàn trang điểm ra và nói L bán đi lấy tiền chuộc điện thoại, do L không biết bán cho ai nên L nhờ T1 bán hộ. T1 quay sang nói chuyện với K việc L nhờ bán giúp gói ma túy để lấy tiền chuộc điện thoại thì K đồng ý nên cầm gói ketamine cất trên nóc tủ quần áo trong phòng K. Đến khoảng 08 giờ ngày 26/6/2023, Tổ công tác Đội CSĐT tội phạm về Kinh tế - Ma túy Công an thị xã phối hợp với Công an phường Ba Đình đến kiểm tra và phát hiện bắt quả tang. Thu giữ tang vật như đã nêu trên.

* Về nguồn gốc ma túy: Quá trình điều tra xác định nguồn gốc số ma túy trên là mua của Lê Văn Quân. Ngày 24/8/2023, Cơ quan CSĐT Công an thị xã Bim Sơn đã ra quyết

định khởi tố bị can, ra Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Lê Văn Q để điều tra về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự (viết tắt: BLHS). Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa xác định được Lê Văn Quân đang ở đâu nên Cơ quan CSĐT Công an thị xã Bim Sơn đã ra Quyết định tách hồ sơ vụ án để tiếp tục điều tra xử lý đối với Lê Văn Q theo quy định.

* Về xử lý vật chứng và tài sản tạm giữ: T2 bộ tang vật cơ Cơ quan CSĐT thu giữ, tạm giữ được chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bim Sơn để bảo quản, chờ xử lý theo quy định của pháp luật.

* Tại bản cáo trạng số: 42/CT-VKSBS ngày 27 tháng 10 năm 2023 của VKS nhân dân thị xã Bim Sơn truy tố các bị cáo Chung Văn K về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b, c, h khoản 2 Điều 255 BLHS và tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm q khoản 2 Điều 251 BLHS. Các bị cáo Đỗ Xuân T1, Tống Khánh L, Mai Minh T2 về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 255 BLHS và tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 BLHS; Bị cáo Mỏ Vi về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 255 BLHS.

Tại phiên tòa Đại diện VKS duy trì công tố giữ nguyên quan điểm như nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

* Đề nghị Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX):

Tuyên bố các bị cáo Chung Văn K, Đỗ Xuân T1, Mai Minh T2, Tống Khánh L và Mỏ V phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và tội “Mua bán trái phép chất ma túy”;

+ Về hình phạt chính:

- Áp dụng điểm b, c, h khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51 (đối với tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy), điểm q khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 (đối với tội mua bán trái phép chất ma túy), Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 55, Điều 58 BLHS (đối với Chung Văn K);

Đề nghị xử phạt Chung Văn K từ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) năm tù về tội “tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và 07 (bảy) năm đến 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”

Áp dụng Điểm b, c khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS (đối với tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy), khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS (đối với tội mua bán trái phép chất ma túy), Điều 12, Điều 17, Điều 90, Điều 91, khoản 4 Điều 98, Khoản 1 Điều 101 BLHS (đối với Mai Minh T2, Đỗ Xuân T1);

- Đề nghị xử phạt Đỗ Xuân T1 từ 05 (năm) năm 09 (chín) tháng tù đến 06 (sáu) năm tù về tội “tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và 01 (một) năm 04 (bốn) tháng đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”

- Đề nghị xử phạt Mai Minh T2 từ 05 (năm) đến 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù về tội “tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và 01 (một) năm 02 (hai) tháng đến 01 (một) năm 04 (bốn) tháng về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51(đối với tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy), khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51(đối với tội Mua bán trái phép chất ma túy), Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 55, Điều 58 BLHS(đối với Tổng Khánh L);

- Đề nghị xử phạt Tổng Khánh L từ 07(bảy) năm đến 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù về tội “tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 02 (hai) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”

+ Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 BLHS;

- Đề nghị xử phạt Mỏ V từ 07(bảy) năm đến 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù về tội “tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”

* Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có công ăn việc làm, điều kiện gia đình khó khăn. Bị cáo T1, T2 là người dưới 18 tuổi, bị cáo Vi là người dân tộc thiểu số nên đề nghị không áp dụng khoản 5 Điều 251 và khoản 5 Điều 255 BLHS để phạt tiền đối với các bị cáo.

* Về trách nhiệm dân sự: Đối với số tiền 2.000.000đ anh T yêu cầu bồi thường: Quá trình giải quyết vụ án bị cáo T1 và T2 đã tự nộp số tiền trên, anh Tg không yêu cầu gì thêm. Nên đề nghị HĐXX miễn xét.

* Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự (viết tắt: BLTTHS), Khoản 1, 2 Điều 47 BLHS đề nghị:

- Đề nghị tịch thu tiêu hủy:

+ 01 phong bì niêm phong mẫu vật do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành, ký hiệu T1 được dán niêm phong bởi các hình dấu tròn đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa.

+ 01 phong bì niêm phong mẫu vật do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành, ký hiệu T2 được dán niêm kín niêm phong bởi các hình dấu tròn đỏ của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành.

+ 01 (một) cốc thủy tinh loại có quai, đường kính khoảng 07cm, cao khoảng 10cm,

- Đề nghị tịch thu sung ngân sách Nhà nước:

+ 01 (một) đèn nháy hình cầu, đế màu trắng, thân màu hồng, phía trên màu đen cao khoảng 15cm;

+ 01 (một) loa màu đen có ký hiệu F&D.

+ 02 (hai) chiếc loa màu xanh, có nhiều hoa văn;

+ 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng, loại màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng thu của Bùi Thị Tuyết N.

+ 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng, loại màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng thu của Mỏ V.

+ 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen, loại màn hình cảm ứng, mặt sau kính bị vỡ, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng, thu của Đỗ Xuân T1.

+ 01 chiếc điện thoại Iphone, màu hồng, loại màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng thu của Tổng Khánh L do Lê Đình T tự nguyện giao nộp.

- Về án phí hình sự sơ thẩm (viết tắt: HSST): Đề nghị HĐXX áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326 ngày 30/12/2016 và danh mục mức án phí lệ phí ban hành kèm theo buộc các bị cáo K, T1, T2, L phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật. Bị cáo V là người dân tộc thiểu số và có đơn đề nghị miễn tiền án phí vì vậy đề nghị HĐXX miễn tiền án phí HSST cho bị cáo Vi.

* Trợ giúp viên pháp lý bà Nguyễn Thị Ngọc T: Bào chữa cho bị cáo Đỗ Xuân T1 thống nhất với tội danh và hành vi phạm tội mà VKS đã truy tố đối với T1.

Tuy nhiên, do bị cáo thiếu hiểu biết về pháp luật, về tác hại của ma túy. Chỉ vì không có suy nghĩ thấu đáo, hành vi bột phát, nhất thời khi thực hiện hành vi phạm tội đã không lường trước được hậu quả pháp lý mà mình phải gánh chịu. Hành vi để lại ma túy để bán kiếm lời đã được cơ quan chức năng ngăn chặn kịp thời nên cũng làm giảm đi phần nào tội danh của bị cáo.

Bị cáo có trình độ văn hóa thấp nên nhận thức pháp luật thực sự rất hạn chế. Bị cáo tính đến ngày thực hiện hành vi phạm tội chưa đủ 18 tuổi, là tuổi dễ nổi loạn, dễ mắc sai lầm nhất trong cuộc đời, thích thể hiện bản thân, làm ngược lại với những gì cha mẹ, thầy cô chỉ bảo. Nên bị cáo được áp dụng các quy định của pháp luật về người chưa thành niên theo quy định tại Điều 91 BLHS.

Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa từng vi phạm pháp luật. Đồng thời, gia đình bị cáo cũng có nhiều khó khăn, với suy nghĩ nhất thời, bột phát của lứa tuổi mới lớn nên đã dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo.

- Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo luôn có thái độ hợp tác với các cơ quan tiến hành tố tụng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối hận về hành vi của mình. Bị cáo là người chưa từng có tiền án tiền sự, nhân thân tốt, là người chưa đủ 18 tuổi phạm tội, ngày hôm nay bị cáo phải đứng tại đây để gánh chịu về hành vi trái pháp luật của mình, nhưng chúng ta có thể nhìn nhận phần lỗi nào đó thuộc về những người sinh sống, gần bó gần nhất với bị cáo, đã không có định hướng và sự quan tâm sát sao tới bị cáo. Bị cáo nghỉ học từ sớm nên có nhận thức về pháp luật vô cùng hạn chế. Đó cũng là một thiệt thòi rất lớn đối với bị cáo.

Do vậy, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 251, khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 90, 91, 101 BLHS tuyên bị cáo mức án 5 năm 6 tháng đến 5 năm 9 tháng cho tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, mức án 15 tháng đến 16 tháng cho tội mua bán trái phép chất ma túy để thể hiện được chính sách khoan hồng và

nhân đạo của pháp luật. Do bị cáo là người không có việc làm ổn định nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

* Trợ giúp viên pháp lý bà Lê Thị P bào chữa cho bị cáo Mai Minh T2 thống nhất với tội danh và hành vi phạm tội mà VKS đã truy tố đối với bị cáo T2.

- Bản thân T2 sinh ra trong một gia đình không hoàn chỉnh khi bố không biết là ai, mẹ thường xuyên đi làm ăn xa. Từ khi còn nhỏ T2 phải đi ở nhờ hết nhà bà ngoại, đến nhà dì, không có ai thực sự quan tâm, dành thời gian chỉ bảo, chăm sóc cũng như dạy bảo Toàn. Sự thiệt thòi về mặt tình cảm, cũng như thiếu thốn về kinh tế đã dẫn đến việc Toàn phải nghỉ học từ rất sớm, tự bươn chải nuôi chính bản thân mình. Với tuổi đời còn quá trẻ, lại thêm việc không có người định hướng, chỉ dẫn, quan tâm giáo dục, nên việc Toàn thiếu đi nhận thức pháp luật cũng như nhận thức xã hội là điều dễ hiểu. Mặc dù vậy, tính đến thời điểm phạm tội, bị cáo có nhân thân tốt, chưa từng có tiền án, tiền sự.

- Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, Toàn đã nhận thức được hành vi sai trái của mình là vi phạm quy định của pháp luật do đó bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Đây là điều kiện cần và đủ để bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (viết tắt: TNHS) quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 BLHS

- Mặc dù đang bị tạm giam, T2 vẫn nhờ gia đình đi khắc phục hậu quả, bỏ tiền để chuộc lại chiếc điện thoại đã bán của Tổng Khánh L. Đề nghị HĐXX xem xét, cân nhắc đây là tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại Khoản 2 Điều 51 BLHS.

- Bản thân T2 là người chưa thành niên, lại vì hoàn cảnh gia đình phải nghỉ học từ sớm nên nhận thức pháp luật có nhiều hạn chế nên phải nhận sự trừng phạt của pháp luật, cũng có một phần là do hoàn cảnh. Do vậy, đề nghị HĐXX cân nhắc đến hoàn cảnh, nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của Toàn trước khi lượng hình để giảm nhẹ một phần TNHS đối với bị cáo, tạo điều kiện cho bị cáo phấn đấu cải tạo tốt sớm trở về địa phương lao động sản xuất, cố gắng để trở thành công dân có ích cho xã hội.

Vì vậy, đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 2 Điều 255, khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Điều 91, Điều 101 cho bị cáo được hưởng mức án dưới mức thấp hơn mức án so với mức án so với VKS đề nghị và đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung vì bị cáo là người dưới 18 tuổi.

* Trợ giúp viên pháp lý bà Nguyễn Thị Q bào chữa cho bị cáo Mỏ V thống nhất với tội danh và hành vi phạm tội mà VKS đã truy tố đối với bị cáo Vi.

Hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo V và các bị cáo khác xuất phát từ động cơ ham vui, tò mò không hiểu hết tính nghiêm trọng của hành vi mà mình gây ra. Hành vi này bộc phát, không có sự phân công, cấu kết chặt chẽ. Điều này cũng làm giảm nhẹ đi tính nguy hiểm trong hành vi của bị cáo. Hơn nữa, bị cáo Vi trong vụ án này đóng vai trò thứ yếu, bị cáo không phải là người khởi xướng, không thực hành tích cực, Đề nghị HĐXX xem xét áp dụng khoản 2 Điều 54 BLHS.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng TNHS. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ TNHS đó là thành khẩn khai báo, ăn năn, hối hận về việc làm của mình và mong muốn nhận được sự khoan hồng của pháp luật. Đề nghị HĐXX áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS: "Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" cho bị cáo Vi. Ngoài ra bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự. Ngoài lần phạm tội này bị cáo luôn chấp hành tốt pháp luật và các quy tắc xã hội. Hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình bị cáo đông anh em nên bị cáo không được ăn học nhiều, mới học đến lớp 8. Bị cáo đã xa gia đình đi làm từ rất sớm cũng là một phần thiệt thòi cho bị cáo. Bị cáo nhận thức xã hội thấp, trình độ pháp luật yếu kém nên đề nghị HĐXX xem xét cân nhắc khi lượng hình cho bị cáo coi đó là tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại Khoản 2 Điều 51 BLHS.

Đề nghị HĐXX: Áp dụng điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Khoản 2 Điều 54, Điều 38, điểm b, c khoản 2 Điều 255 BLHS: tuyên phạt bị cáo Mố V mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Bị cáo Mố V là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo và áp dụng điểm đ Điều 12 Nghị Quyết 326 của UBTV Quốc hội miễn án phí cho bị cáo Mố Vi.

Căn cứ vào chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét khách quan toàn diện chứng cứ, ý kiến phát biểu của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của CQĐT Công an thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa, Điều tra viên; VKS nhân dân thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo K, T1, T2, L, V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng truy tố của VKS. Lời khai nhận tội của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ. Vì vậy, HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 08 giờ, ngày 26 tháng 6 năm 2023, tổ công tác Đội CSĐT tội phạm về Kinh tế - Ma túy Công an thị xã Bim Sơn phối hợp cùng Công an phường Ba Đình tiến hành kiểm tra hành chính phát hiện, bắt quả

tang tại phòng ở của Chung Văn K có 06 đối tượng, gồm: K, T1, T2, L, V và N hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. K, T1, T2, L có hành vi tàng trữ 0,622g ma túy loại: Ketamine nhằm mục đích bán để lấy tiền chuộc điện thoại nhưng chưa kịp bán thì bị bắt quả tang.

Hành vi của bị cáo Chung Văn K đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b, c, h khoản 2 Điều 255 BLHS và tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm q khoản 2 Điều 251 BLHS. Các bị cáo Đỗ Xuân T1, Tống Khánh L, Mai Minh T2 về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 255 BLHS và tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 BLHS; Bị cáo Mỏ Vi về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 255 BLHS.

[3] Xét tính chất vụ án: Đây là vụ án có tính chất rất nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sự độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác, gây ảnh hưởng xấu trật tự công cộng và an toàn xã hội. Bị cáo K, T1, T2, L, V có hành vi tổ chức trái phép chất ma túy, trong đó có T1 và T2 là người dưới 18 tuổi nên đã định khung hình phạt tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 255 BLHS, đồng thời bị cáo K, T1, T2, L có hành vi tàng trữ 0,622g ma túy loại: Ketamine nhằm mục đích bán để lấy tiền chuộc điện thoại nhưng chưa kịp bán thì bị bắt quả tang nên bị truy tố về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

* Xét vai trò đồng phạm của các bị cáo HĐXX thấy:

* Vai trò đồng phạm của các bị cáo: Đối với cả hai tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn vì hành vi của các bị cáo mang tính bột phát, giữa các bị cáo không có sự câu kết, bàn bạc, phân công nhiệm vụ chặt chẽ, cụ thể:

Đối với Đỗ Xuân T1: Với cả hai tội bị cáo T1 đều là người khởi xướng, rủ rê, là người bảo T2 nói chuyện với L cho mượn điện thoại và trực tiếp cùng với T2 mang điện thoại của L đi cầm cố, lấy tiền mua ma túy và trong quá trình tổ chức sử dụng ma túy thì T1 là người đi lấy cốc để pha ma túy, bẻ ma túy để mọi người cùng sử dụng và nên T1 có vai trò đầu vụ.

Chung Văn K có vai trò thứ hai trong vụ án. Vì tham gia bàn bạc ngay từ đầu, trước khi thực hiện hành vi đều thông qua ý kiến của K.

Tống Khánh L, Mai Minh T2 là những người giúp sức và thực hành tích cực nên có vai trò ngang nhau sau T1 và K. T2 là người trực tiếp nói với L cho mượn điện thoại, đi cùng T1 cầm cố điện thoại và mua ma túy về để cùng nhau tổ chức sử dụng. L đã đưa điện thoại của mình cho T2 mang đi cầm cố lấy tiền mua, là người lấy đĩa sứ xào ke cho mọi người cùng sử dụng. K sau khi nhất trí cùng với T1, T2 và L về việc cầm cố điện thoại đi mua ma túy về thì K là người trực tiếp cầm số ma túy trên để đưa dần cho mọi

người sử dụng và dùng chính phòng ở của mình để làm nơi tổ chức sử dụng ma túy cùng với mọi người. V có vai trò sau trong vụ án “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Đối với hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy”: Vi và N không tham ý kiến gì, không góp tiền hay tài sản gì và cũng không có hành động gì đối với số ma túy trên nên không có căn cứ để xử lý Vi về hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Vì vậy, HĐXX xét thấy cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi của các bị cáo đã thực hiện mới đủ tác dụng trừng trị, răn đe, giáo dục các bị cáo và đấu tranh, phòng ngừa chung cho toàn xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt HĐXX cần xem xét đến vai trò nhân thân, những tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ TNHS của bị cáo để có mức hình phạt phù hợp.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS:

- Tình tiết tăng nặng TNHS: Các bị cáo K, T1, T2, L, V đều không có tình tiết tăng nặng TNHS.

- Tình tiết giảm nhẹ TNHS: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai báo thành khẩn nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Đối với bị cáo T1, T2: Quá trình giải quyết vụ án bị cáo T1, T2 đã tự nguyện khắc phục số tiền các bị cáo cầm cố điện thoại của L tại nhà anh T là 2.000.000đ. Nay anh T đã nhận đủ số tiền trên không yêu cầu gì thêm. Nên các bị cáo T1, T2 được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS là phù hợp.

[5] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có công ăn việc làm, điều kiện gia đình khó khăn. Riêng bị cáo T1, T2 là người dưới 18 tuổi, Vi là người dân tộc thiểu số nên không áp dụng khoản 5 Điều 251 và khoản 5 Điều 255 BLHS để phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình giải quyết vụ án bị cáo T1, T2 đã tự nguyện khắc phục hậu quả trả cho anh T số tiền 2.000.000đ, anh T đã nhận đủ số tiền trên, không yêu cầu gì thêm. Tại phiên tòa anh T vắng mặt có lý do. Vì vậy, HĐXX miễn xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 106 BLTTHS, khoản 1, 2 Điều 47 BLHS:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 phong bì niêm phong mẫu vật ký hiệu T1, được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký và các hình dấu do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành có tổng khối lượng 0,585gam của phong bì ký hiệu M1 (là những mẫu vật còn lại sau giám định).

+ 01 phong bì niêm phong mẫu vật ký hiệu T2 được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký và các hình dấu do phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành.

+ 01 (một) cốc thủy tinh loại có quai, đường kính khoảng 07cm, cao khoảng 10cm,

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước:

+ 01 (một) đèn nháy hình cầu, đế màu trắng, thân màu hồng, phía trên màu đen cao khoảng 15cm;

+ 01 (một) loa màu đen có ký hiệu F&D.

+ 02 (hai) chiếc loa màu xanh, có nhiều hoa văn;

+ 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng, loại màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng thu của Mỏ Vi.

+ 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen, loại màn hình cảm ứng, mặt sau kính bị vỡ, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng, thu của Đỗ Xuân T1.

+ 01 chiếc điện thoại Iphone, màu hồng, loại màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng thu của Tống Khanh L do Lê Đình T tự nguyện giao nộp.

+ Số tiền 500.000đ mà Hải đã nộp tại Chi cục Thi hành án.

- Trả lại cho chị Bùi Thị Tuyết N: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng, loại màn hình cảm ứng, không kiểm tra chất lượng đã qua sử dụng thu của Bùi Thị Tuyết N.

[8] Các vấn đề khác:

- Đối với Bùi Thị Tuyết N. Trong vụ án “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy Nhưng chỉ là người thụ hưởng (người sử dụng trái phép chất ma túy). Trong vụ án “Mua bán trái phép chất ma túy” N không tham gia cũng không biết việc trao đổi, mua bán khi nào ở đâu và như thế nào. Hơn nữa, tại thời điểm thực hiện hành vi N chưa đủ 16 tuổi nên căn cứ khoản 2 Điều 12 BLHS Cơ quan CSĐT Công an thị xã Bỉm Sơn không xem xét TNHS đối với N là phù hợp.

- Đối với Nguyễn Văn Tiến là lái xe taxi và cũng là người được Q nhờ đưa 500.000 đồng từ Tân cho anh trai Q là H. Tuy nhiên, khi Q gọi điện nhờ Tiến đi đón khách (tiền đi taxi là do T1 trả), Tiến không biết và không tham gia việc trao đổi, mua bán chất ma túy giữa Q và T1 nên không có căn cứ để xử lý hình sự đối với Nguyễn Văn Tiến.

- Đối với Lê Văn H (anh trai của Q), khi được Q gọi điện nói là cho H số tiền 500.000 đồng để tiêu và sẽ nhờ người mang đến cho H. Hải không biết số tiền 500.000 đồng là tiền do Q phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý đối với H. Khi được CQĐT thông báo, H đã tự nguyện giao nộp lại số tiền trên tại Chi cục Thi hành án dân sự.

* Về án phí HSST: Các bị cáo K, T1, T2, L mỗi bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật. Bị cáo V là người dân tộc có đơn đề nghị miễn tiền án phí nên miễn tiền án phí HSST cho bị cáo Mỏ V.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* Tuyên bố: Các bị cáo Chung Văn K, Đỗ Xuân T1, Mai Minh T2, Tống Khanh L và Mỏ V phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và “Mua bán trái phép chất ma túy”, Mỏ V phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

* Căn cứ: Điểm b, c, h khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51(đối với tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy), điểm q khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51(đối với tội Mua bán trái phép chất ma túy), Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 55, Điều 58 BLHS(đối với Chung Văn K);

- Xử phạt Chung Văn K 07(bảy) năm 09(chín) tháng tù về tội “tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và 07 (bảy) năm tù về tội “ Mua bán trái phép chất ma túy”

Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Chung Văn K phải chấp hành hình phạt của cả hai tội là 14(muời bốn) năm 09 (chín) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 26/6/2023.

* Căn cứ: Điểm b, c khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS(đối với tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy), khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS (đối với tội mua bán trái phép chất ma túy), Điều 12, Điều 17, Điều 90, Điều 91, khoản 4 Điều 98, Khoản 1 Điều 101 BLHS (đối với Đỗ Xuân T1, Mai Minh T2).

- Xử phạt: Đỗ Xuân T105 (năm) năm 10 (mười) tháng tù về tội “tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và 01 (một) năm 05 (năm) tháng tù về tội “ Mua bán trái phép chất ma túy”

Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Đỗ Xuân T1 phải chấp hành hình phạt của cả hai tội là 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 26/6/2023.

- Xử phạt Mai Minh T2 05 (năm) năm tù về tội “tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù về tội “ Mua bán trái phép chất ma túy”

Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Mai Minh T2 phải chấp hành hình phạt của cả hai tội là 06 (sáu) năm 02 (hai) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 26/6/2023.

* Căn cứ: Điểm b, c khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51(đối với tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy), khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51(đối với tội Mua bán trái phép chất ma túy), Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 55, Điều 58 BLHS (đối với Tống Khánh Ly);

- Xử phạt Tống Khánh L 07 (bảy) năm tù về tội “tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và 02 (hai) năm về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”

Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Tống Khánh L chấp hành hình phạt của cả hai tội 09 (chín) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 26/6/2023.

* Căn cứ: Điểm b, c khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 BLHS(đối với Mỏ V);

- Xử phạt: Mỏ Vi 07 (bảy) năm tù về tội “tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 26/6/2023.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 106 BLTTHS; khoản 1, 2 Điều 47 BLHS;

- Tịch thu, tiêu hủy:

+ 01 phong bì niêm phong mẫu vật ký hiệu T1, được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký và các hình dấu do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành có tổng khối lượng 0,585gam (là mẫu vật còn lại sau giám định).

+ 01 phong bì niêm phong mẫu vật ký hiệu T2 được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký và các hình dấu do phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành.

+ 01 (một) cốc thủy tinh loại có quai, đường kính khoảng 07cm, cao khoảng 10cm,
- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước:

+ 01 (một) đèn nháy hình cầu, đế màu trắng, thân màu hồng, phía trên màu đen cao khoảng 15cm;

+ 01 (một) loa màu đen có ký hiệu F&D.

+ 02 (hai) chiếc loa màu xanh, có nhiều hoa văn;

+ 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng, loại màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng thu của Mỏ V.

+ 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen, loại màn hình cảm ứng, mặt sau kính bị vỡ, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng, thu của Đỗ Xuân T1.

+ 01 chiếc điện thoại Iphone, màu hồng, loại màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng thu của Tổng Khánh L do Lê Đình T tự nguyện giao nộp.

+Số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) mà Hải đã nộp tại Chi cục Thi hành án.

- Trả lại cho chị Bùi Thị Tuyết N: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng, loại màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng.

(Theo biên bản bàn giao vật chứng ngày 27/10/2023 giữa Cơ quan Công an và Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Bỉm Sơn và biên lai thu số:AA/2022/0002229 ngày 06/7/2023 giữa Lê Văn H và Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Bỉm sơn).

* Án phí HSST: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 21, Điều 23 NQ 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và danh mục án phí lệ phí ban hành kèm theo buộc các bị cáo K, T1, T2, L mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST. Miễn tiền án phí HSST cho bị cáo Mỏ V vì là người dân tộc thiểu số.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo, trợ giúp viên pháp lý và người đại diện theo pháp luật của bị cáo T1, T2; vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh T, chị N và người đại diện theo pháp luật của chị N.

Các bị cáo, người bào chữa cho T1, T2, V và người đại diện theo pháp luật của bị cáo T1, T2 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (24/11/2023). Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh T, chị N và người đại diện theo pháp luật của chị N vắng mặt được quyền kháng cáo bản án về phần liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND Thị xã Bỉm sơn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKS nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Sở tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Nhà tạm giữ CA huyện Hà Trung;
- CQĐT Công an thị xã Bỉm Sơn;
- CQ Thi hành án hình sự;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Người đại diện theo pháp luật;
- Trợ giúp viên pháp lý;
- Phòng giám đốc án;
- THA Dân sự TX Bỉm sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TỔNG THỊ HÀ

